

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

Đỗ Hoàng Yến

PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ ĐẠI DIỆN TRONG QUAN HỆ HỢP ĐỒNG

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số : 60 38 50

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội – 2012

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Ngô Huy Cương

1.1.1.1

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 20....

MỤC LỤC

Lời cam đoan	1
Mục lục	2
Danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt	4
MỞ ĐẦU	5
Chương 1: KHÁI LUẬN VỀ CHẾ ĐỊNH ĐẠI DIỆN	11
1.1 Khái niệm	11
1.1.1 Khái niệm đại diện	11
1.1.2 Khái niệm đại diện trong quan hệ hợp đồng	16
1.2 Phân loại	18
1.2.1 Đại diện theo pháp luật	19
1.2.2 Đại diện theo ủy quyền	20
1.3 Đặc điểm	26
1.3.1 Bên đại diện hành động với danh nghĩa bên được đại diện hoặc với danh nghĩa của mình	26
1.3.2 Bên đại diện hành động vì lợi ích của bên được đại diện	28
1.3.3 Người đại diện hành động trong phạm vi đại diện	29
1.4 Vai trò và ý nghĩa của chế định đại diện	30
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ ĐẠI DIỆN TRONG QUAN HỆ HỢP ĐỒNG	34
2.1 Nguồn luật điều chỉnh đại diện trong quan hệ hợp đồng	34
2.2 Những quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về đại diện trong quan hệ hợp đồng	36
2.2.1 Chủ thể đại diện trong quan hệ hợp đồng	36
2.2.2 Phạm vi đại diện trong quan hệ hợp đồng	54

2.2.3	Thời điểm xác lập, chấm dứt đại diện trong quan hệ hợp đồng	67
2.3	Những tranh chấp thực tế liên quan đến đại diện trong quan hệ hợp đồng	73
2.3.1	Tranh chấp về chủ thể trong đại diện trong quan hệ hợp đồng	73
2.3.2	Tranh chấp về xác định thời hạn ủy quyền	82
2.3.3	Tranh chấp về phạm vi đại diện	83
2.3.4	Tranh chấp về hình thức pháp lý của quan hệ đại diện	85
	Chương 3: CƠ SỞ VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐẠI DIỆN TRONG QUAN HỆ HỢP ĐỒNG	88
3.1	Cơ sở hoàn thiện pháp luật về đại diện trong quan hệ hợp đồng	88
3.2	Định hướng giải pháp hoàn thiện pháp luật về đại diện trong quan hệ hợp đồng	90
3.2.1	Định hướng hoàn thiện pháp luật về đại diện trong quan hệ hợp đồng	90
3.2.2	Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về đại diện trong quan hệ hợp đồng	91
	KẾT LUẬN	102
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	103

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hoạt động đại diện có tầm quan trọng rất lớn trong đời sống xã hội. Đặc biệt là hoạt động đại diện - loại đại diện diễn ra phổ biến và có tầm quan trọng đặc biệt trong cuộc sống hiện đại so các hoạt động đại diện khác. Và đồng thời, loại đại diện này cũng mối quan hệ chặt chẽ với các chế định khác như: Chế định hợp đồng, chế định bồi thường thiệt hại, các vấn đề liên quan đến công ty,.....

Các quy định pháp luật Việt Nam về đại diện trong quan hệ hợp đồng còn bộc lộ nhiều hạn chế, thiếu sót. Đặc biệt khi Việt Nam đang trên đà hội nhập như hiện nay, nhiều quy định pháp luật liên quan còn chưa thể hiện được xu hướng chung của thế giới, chưa phù hợp với một số quan điểm pháp lý phổ biến, được nhiều nước trên thế giới ghi nhận và thực hiện.

Các tranh chấp liên quan đến đại diện trong quan hệ hợp đồng rất phổ biến. Cần có những giải pháp pháp lý phù hợp, kịp thời để giải quyết và hạn chế phần nào các tranh chấp liên quan.

Luận văn “Pháp luật Việt Nam về đại diện trong quan hệ hợp đồng” sẽ nghiên cứu một cách toàn diện và hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn về đại diện trong quan hệ hợp đồng, xem xét cụ thể các quy định pháp luật Việt Nam về vấn đề này, từ đó đưa ra cái nhìn toàn diện về những hạn chế, thiếu sót của hệ thống pháp luật và đề xuất một số giải pháp mang tính hoàn thiện để phần nào giúp cho quá trình sửa đổi và bổ sung pháp luật Việt Nam hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Một số sách, bài viết chuyên ngành nghiên cứu về chế định hợp đồng như: “Pháp luật về hợp đồng” của TS Nguyễn Mạnh Bách (1995), “Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng ở Việt Nam” của PGS.TS Dương Đăng Huệ (2002), “Chế định hợp đồng kinh tế - Tồn tại hay không tồn tại” của GS.TS Lê Hồng Hạnh (2003), “Một số vấn đề liên quan đến việc sửa đổi

pháp luật Việt Nam về hợp đồng” (2004), “Dự thảo Bộ luật dân sự (sửa đổi) và vấn đề cải cách pháp luật hợp đồng ở Việt Nam” của PGS.TS Phạm Hữu Nghị (2005), “Hoàn thiện chế định hợp đồng” của TS Phan Chí Hiếu,....

Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu tập trung, chuyên sâu về chế định đại diện thì chưa có, chỉ có rất ít bài viết chuyên ngành về vấn đề này như: “Một số ý kiến về vấn đề đại diện trong ký kết hợp đồng kinh tế” của Th.S Lê Thị Bích Thọ, “Chế định đại diện theo quy định của pháp luật Việt Nam - nhìn từ góc độ luật so sánh” của TS Ngô Huy Cương,..... Và mới đây nhất là Luận án tiến sĩ “Đại diện cho thương nhân theo pháp luật thương mại Việt Nam hiện nay” của Hồ Ngọc Hiến (tháng 5/2012) và một số khóa luận tốt nghiệp của các cử nhân luật của trường Đại học Luật và Khoa Luật - ĐHQGHN.

Các công trình khoa học liên quan chỉ dừng lại ở nghiên cứu khái quát, nghiên cứu vấn đề này trong cái tổng thể, lớn hơn là quan hệ hợp đồng, chế định đại diện chung hay trong phạm vi hẹp hơn về chế định đại diện cho thương nhân trong Luật thương mại.

3. Mục đích - nhiệm vụ của đề tài

- **Mục đích:** Làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về đại diện trong quan hệ hợp đồng. Trên cơ sở đó, luận văn đề xuất định hướng các giải pháp hoàn thiện pháp luật về đại diện nói chung và về đại diện trong quan hệ hợp đồng nói riêng, góp phần làm cho những quy định pháp luật về đại diện trong quan hệ hợp đồng có tính thực tiễn cao hơn, giải quyết và hạn chế tốt hơn các tranh chấp liên quan và góp phần vào việc đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nhiệm vụ:

- * Nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận về chế định đại diện
- * Phân tích những nội dung cơ bản của pháp luật Việt Nam về đại diện trong quan hệ hợp đồng. Từ đó đưa ra những đánh giá về ưu, nhược điểm của những quy định pháp luật cụ thể này.

* Đề xuất các quan điểm, phương hướng và những giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật về đại diện trong quan hệ hợp đồng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu của luận văn là:** Những vấn đề lý luận khái quát về chế định đại diện; những quy định pháp luật cụ thể về đại diện trong quan hệ hợp đồng kinh doanh, thương mại; và tình hình thực tiễn hoạt động áp dụng pháp luật về lĩnh vực này.

- **Phạm vi nghiên cứu:** Luận văn tập trung vào nghiên cứu các khía cạnh của đại diện trong quan hệ hợp đồng. Tuy nhiên, luận văn chỉ giới hạn nghiên cứu về đại diện cho các quan hệ hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại. Trên cơ sở những nghiên cứu này sẽ đưa ra những nhận định sâu sắc, từ đó góp phần vào việc phát triển quan hệ hợp đồng (có hoạt động đại diện) trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Tác giả sử dụng phương pháp luận biện chứng duy vật của Chủ nghĩa Mác - Lênin và các quan điểm, đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam về phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học cụ thể như: Phương pháp tổng hợp, phân tích, phương pháp thống kê, phương pháp so sánh luật học, phương pháp logic và lịch sử, nghiên cứu lý luận kết hợp với thực tiễn.

6. Những đóng góp mới của luận văn

- Nghiên cứu một cách có hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về chế định đại diện và cụ thể là đại diện trong quan hệ hợp đồng. Từ đó luận giải về một số những vấn đề cơ bản và đưa ra cách nhìn mới về những vấn đề này.

- Đánh giá một cách khách quan thực trạng pháp luật Việt Nam điều chỉnh về đại diện trong quan hệ hợp đồng. Trên cơ sở chỉ ra những điểm bất cập, hạn chế, luận văn khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề này, tạo ra một hành lang pháp lý an toàn

cho quan hệ hợp đồng (có hoạt động đại diện) cũng như hạn chế phần nào những tranh chấp liên quan có thể xảy ra.

- Trên cơ sở nghiên cứu xu hướng phát triển và thực tiễn áp dụng pháp luật về hoạt động đại diện trong quan hệ hợp đồng ở một số nước và Việt Nam, luận văn đề xuất những phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về hoạt động đại diện trong quan hệ hợp đồng ở Việt Nam.

Kết cấu của luận văn

Luận văn ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Khái luận về chế định đại diện

Chương 2: Thực trạng pháp luật Việt Nam về Đại diện trong quan hệ hợp đồng

Chương 3: Cơ sở và định hướng giải pháp hoàn thiện pháp luật về Đại diện trong quan hệ hợp đồng

Chương 1

KHÁI LUẬN VỀ CHẾ ĐỊNH ĐẠI DIỆN

1.1. KHÁI NIỆM

1.1.1. Khái niệm đại diện

Đại diện là một chế định lớn, xuyên suốt được quy định trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật thực định, và được quy định cụ thể nhất trong Bộ luật Dân sự Việt Nam 2005. Mở rộng tầm nhìn ra hệ thống văn bản pháp luật của các nước khác trên thế giới và theo quy định tại BLDS Việt Nam 2005 về đại diện, có thể rút ra khái niệm đại diện: *Đại diện là việc một người (người đại diện) thay mặt người khác (người được đại diện) thực hiện một số hành vi nhất định vì lợi ích hợp pháp và trong sự cho phép của người đó.*

1.1.2. Khái niệm đại diện trong quan hệ hợp đồng

Hợp đồng trong kinh doanh, thương mại là hợp đồng giữa các bên vì mục tiêu lợi nhuận, trong đó có ít nhất một bên là thương nhân, còn bên

còn lại có thể là các tổ chức không có đăng ký kinh doanh, chỉ cần thỏa mãn có đủ năng lực chủ thể.

Theo đó, *Đại diện trong quan hệ hợp đồng kinh doanh, thương mại là việc một cá nhân, tổ chức thay mặt cho cá nhân, tổ chức khác và vì lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức đó tham gia vào quan hệ hợp đồng kinh doanh, thương mại trong phạm vi cá nhân, tổ chức đó cho phép.*

1.2. PHÂN LOẠI

1.2.1. Đại diện theo pháp luật

Đại diện theo pháp luật là đại diện do pháp luật quy định hoặc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định dựa trên các tiêu chí sau:

- Do quan hệ đặc biệt giữa người được đại diện và người đại diện mà phát sinh quan hệ đại diện đương nhiên
- Quan hệ đại diện phát sinh trên cơ sở một quan hệ pháp lý khác
- Việc đại diện do cơ quan nhà nước quyết định khi sự đại diện là cần thiết đối với người bị hạn chế, bị mất năng lực hành vi dân sự.

1.2.2. Đại diện theo ủy quyền

1.2.2.1. Đại diện theo ủy quyền trong lĩnh vực dân sự

“Đại diện theo ủy quyền là đại diện được xác lập trên cơ sở sự ủy quyền giữa người đại diện và người được đại diện”.

- Người được đại diện: Người được đại diện có thể là một cá nhân, pháp nhân có công việc cần ủy quyền thực hiện và có năng lực xác lập quan hệ đại diện đó.

- Người đại diện: Theo quy định của BLDS, người đại diện theo ủy quyền phải là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

Hình thức xác lập quan hệ đại diện theo ủy quyền do các bên tự thỏa thuận, trừ trường hợp pháp luật quy định việc ủy quyền phải được lập thành văn bản (Giấy ủy quyền và Hợp đồng ủy quyền).

1.2.2.2. Đại diện theo ủy quyền trong lĩnh vực thương mại

Trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại, có một hình thức đại diện đặc thù - đại diện cho thương nhân (*Đại diện cho thương nhân là việc một thương nhân nhận ủy nhiệm (gọi là bên đại diện) của thương nhân khác (gọi là bên giao đại diện) để thực hiện các hoạt động thương mại với danh nghĩa và theo sự chỉ dẫn của thương nhân đó và được hưởng thù lao về việc đại diện*).

Một số điểm đặc thù của Đại diện cho thương nhân:

- Hai bên (bên đại diện và bên được đại diện) đều phải là thương nhân.
- Bên đại diện thường phải là một thương nhân độc lập, không có sự phụ thuộc về tư cách pháp lý vào bên giao đại diện và nắm rõ về lĩnh vực mà họ sẽ được ủy quyền đại diện.
- Bên được ủy quyền thực hiện các công việc nhất định cho bên ủy quyền và được hưởng thù lao khi thực hiện dịch vụ
- Hoạt động đại diện cho thương nhân có mục đích sinh lời.
- Việc ủy quyền đại diện cho thương nhân luôn phải được lập thành văn bản.

1.3. ĐẶC ĐIỂM

1.3.1. Bên đại diện hành động với danh nghĩa bên được đại diện hoặc với danh nghĩa của mình

Bên đại diện sẽ thay mặt cho bên giao đại diện trong tất cả các quan hệ, giao dịch trong phạm vi đại diện và những hệ quả về tài sản của công việc được thực hiện thông qua quan hệ đại diện sẽ ràng buộc sản nghiệp của người được đại diện. Trường hợp người đại diện thực hiện đại diện không có thẩm quyền hoặc đại diện vượt quá thẩm quyền, tùy từng trường hợp khác nhau, người đại diện sẽ trở thành một bên giao dịch.

1.3.2. Bên đại diện hành động vì lợi ích của bên được đại diện

“Vì lợi ích” là nghĩa vụ, là quy định bắt buộc được thể hiện trong văn bản luật, các bên không có quyền lựa chọn.

Hành vi đại diện cũng có thể mang tính tự nguyện, hành vi bắt nguồn từ sự mong muốn đem lại lợi ích cho bên được đại diện.

1.3.3. Người đại diện hành động trong phạm vi đại diện

Phạm vi đại diện có thể hiểu là tất cả những gì mà một người có thể hành động với tư cách của một người khác trong sự cho phép của người đó (sự giới hạn xử sự của một người mà người đó không phải là chính mình trong sự cho phép của người khác).

Người đại diện về nguyên tắc phải hành động trong phạm vi được đại diện. Trường hợp người đại diện thực hiện hành vi vượt quá phạm vi đại diện thì người được đại diện sẽ không phải chịu trách nhiệm cho những gì mà người đại diện thực hiện vượt quá phạm vi đại diện trừ khi người được đại diện đồng ý sự vượt quá này hoặc có những biểu hiện chứng tỏ tiếp nhận sự ràng buộc do hành vi vượt quá thẩm quyền của người đại diện.

1.4. VAI TRÒ VÀ Ý NGHĨA CỦA CHẾ ĐỊNH ĐẠI DIỆN

Quan hệ đại diện là một công cụ đắc lực thúc đẩy các giao dịch trong điều kiện sự phân công lao động xã hội càng lúc càng chặt chẽ và tinh vi.

Trong cuộc sống hiện đại, đại diện được biết đến nhiều hơn như là một dịch vụ được cung ứng bởi một người có năng lực (và kinh nghiệm) chuyên môn cũng như có điều kiện vật chất cần thiết và được thực hiện theo yêu cầu của người ủy quyền đồng thời là khách hàng.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ ĐẠI DIỆN TRONG QUAN HỆ HỢP ĐỒNG

2.1. NGUỒN LUẬT ĐIỀU CHỈNH ĐẠI DIỆN TRONG QUAN HỆ HỢP ĐỒNG

Pháp luật thương mại Việt Nam dưới chế độ cũ phải kể đến Bộ luật thương mại ban hành ngày 20 tháng 12 năm 1972 quy định về các nhà buôn, về hãng thương mại... Tiếp sau là sự ra đời của Bộ luật dân sự 1995 và Luật thương mại 1997. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của nền kinh

thế giới và Việt Nam, các quy định trong hai văn bản luật này đã dần phát sinh những mâu thuẫn, chứa đựng nhiều hạn chế không phù hợp với chính sách phát triển kinh tế của Đảng trong giai đoạn mới. Vì vậy, Bộ luật dân sự 2005 và Luật thương mại 2005 đã ra đời. Đây là hai văn bản pháp luật chủ yếu điều chỉnh mọi vấn đề phát sinh từ đại diện trong quan hệ hợp đồng.

Trong quá trình áp dụng pháp luật điều chỉnh quan hệ đại diện hợp đồng cần quán triệt nguyên tắc: *“Pháp luật về đại diện hợp đồng tuy được điều chỉnh ở nhiều văn bản luật chuyên ngành khác nhau, nhưng phải thống nhất, và đồng bộ với các quy định của đạo luật gốc - Bộ luật dân sự, trong quá trình áp dụng luật, luật riêng bao giờ cũng được áp dụng trước, đối với những vấn đề mà luật riêng không điều chỉnh thì sẽ áp dụng các quy định của luật chung”*.

2.2. NHỮNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ ĐẠI DIỆN TRONG QUAN HỆ HỢP ĐỒNG

2.2.1. Chủ thể đại diện trong quan hệ hợp đồng

2.2.1.1. Bên được đại diện và quyền, nghĩa vụ của bên được đại diện

a. Bên được đại diện

Xuất phát từ đặc thù về chủ thể của hợp đồng trong kinh doanh, thương mại, tùy theo điều kiện mà một trong hai bên hoặc cả hai bên trong giao dịch đều phải là thương nhân.

TH1: Bên được đại diện là thương nhân.

Khái niệm thương nhân được quy định trong Luật thương mại bao gồm hai nhóm là cá nhân và tổ chức kinh tế (có đăng ký kinh doanh). Cụ thể là: Cá nhân (hộ) kinh doanh, chủ DNTN, Tổ hợp tác, Hợp danh, Hợp tác xã, Công ty TNHH và CTCP.

TH2: Bên được đại diện cũng có thể không là thương nhân

Bên được đại diện trong quan hệ đại diện hợp đồng cũng có thể không phải là thương nhân, tuy nhiên phải là các cá nhân có năng lực hành vi và các tổ chức có năng lực pháp luật.

b. Quyền và nghĩa vụ của bên được đại diện

Bên uỷ quyền có các nghĩa vụ sau đây:

1. Cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện cần thiết để bên được uỷ quyền thực hiện công việc;
2. Chịu trách nhiệm về cam kết do bên được uỷ quyền thực hiện trong phạm vi uỷ quyền;
3. Thanh toán chi phí hợp lý mà bên được uỷ quyền đã bỏ ra để thực hiện công việc được uỷ quyền và trả thù lao cho bên được uỷ quyền, nếu có thoả thuận về việc trả thù lao.

Bên uỷ quyền có các quyền sau đây:

1. Yêu cầu bên được uỷ quyền thông báo đầy đủ về việc thực hiện công việc uỷ quyền;
2. Yêu cầu bên được uỷ quyền giao lại tài sản, lợi ích thu được từ việc thực hiện công việc uỷ quyền, nếu không có thoả thuận khác;
3. Được bồi thường thiệt hại, nếu bên được uỷ quyền vi phạm các nghĩa vụ kể trên.

Với trường hợp đại diện cho thương nhân, bên giao đại diện có nghĩa vụ:

1. Thông báo ngay cho bên đại diện về việc giao kết hợp đồng mà bên đại diện đã giao dịch, việc thực hiện hợp đồng mà bên đại diện đã giao kết, việc chấp nhận hay không chấp nhận các hoạt động ngoài phạm vi đại diện mà bên đại diện thực hiện (nếu vi phạm nghĩa vụ thông báo thì bên giao đại diện phải gánh chịu các hậu quả pháp lý);
2. Cung cấp tài sản, tài liệu, thông tin cần thiết để bên đại diện thực hiện hoạt động đại diện;
3. Trả thù lao và các chi phí hợp lý khác cho bên đại diện;
4. Thông báo kịp thời cho bên đại diện về khả năng không giao kết được, không thực hiện được hợp đồng trong phạm vi đại diện.

2.2.1.2. Bên đại diện và quyền, nghĩa vụ của bên đại diện

a. Bên đại diện

a1 - Về người đại diện theo pháp luật

(i) Chủ thể tham gia quan hệ hợp đồng là Hộ gia đình.

Hộ gia đình là nhóm các thành viên trong gia đình có tài sản chung, cùng đóng góp công sức để hoạt động kinh tế chung trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp hoặc một số lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác do pháp luật quy định. Hộ gia đình sẽ tham gia quan hệ hợp đồng thông qua chủ hộ - người đại diện theo pháp luật của hộ gia đình. Các trách nhiệm phát sinh từ hợp đồng do chủ hộ đại diện cho Hộ gia đình xác lập sẽ gắn liền với trách nhiệm liên đới vô hạn của tất cả các thành viên trong hộ gia đình.

(ii) Chủ thể trong quan hệ hợp đồng là Tổ hợp tác.

Tổ hợp tác là tổ chức được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác có chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn của từ ba cá nhân trở lên, cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm là chủ thể trong các quan hệ dân sự. Đại diện theo pháp luật của THT trong các giao dịch dân sự nói chung và trong quan hệ hợp đồng nói riêng là Tổ trưởng do các tổ viên cử ra. Trách nhiệm của các thành viên trong THT về các vấn đề phát sinh từ quan hệ hợp đồng là trách nhiệm liên đới vô hạn định.

(iii) Với trường hợp chủ thể tham gia quan hệ hợp đồng là các pháp nhân kinh tế gồm CTHD, công ty TNHH, CTCP, Hợp tác xã thì đại diện cho pháp nhân sẽ là người đứng đầu pháp nhân theo quy định của điều lệ pháp nhân. Cụ thể:

- Đại diện theo pháp luật của công ty TNHH hai thành viên trở lên hoặc Chủ tịch hội đồng thành viên, hoặc TGD (Giám đốc) công ty.

- Đại diện theo pháp luật của Cty TNHH một thành viên theo quy định tại điều lệ công ty chỉ có thể hoặc là Chủ tịch Hội đồng thành viên (Chủ tịch công ty) hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty có thể là chủ sở hữu công ty hoặc là người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu.

- Đại diện theo pháp luật của CTCP được quy định tại điều lệ công ty, chỉ có thể hoặc là Chủ tịch HĐQT hoặc là TGD (Giám đốc) công ty.

- Đại diện theo pháp luật của CTHD: Theo quy định LDN thì tất cả các thành viên hợp danh của CTHD đều có quyền là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành lập theo Luật doanh nghiệp 2005 và Luật đầu tư 2005 thì xác định người đại diện theo pháp luật phù hợp với quy định về loại hình công ty mà họ đăng ký thành lập như: Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh,....

- Chủ nhiệm hợp tác xã hoặc Trưởng ban quản trị hợp tác xã theo điều lệ hợp tác xã

(iv) Trường hợp chủ thể tham gia quan hệ hợp đồng là các tổ chức có năng lực pháp luật.

a2 - Chủ thể đại diện theo ủy quyền

Chủ thể đại diện theo ủy quyền tham gia quan hệ hợp đồng sẽ là cá nhân, tổ chức được cá nhân ủy quyền; cá nhân, tổ chức được người đại diện theo pháp luật ủy quyền. Ngoài ra, chủ thể đại diện theo ủy quyền còn có thể là cá nhân, tổ chức được chủ thể đại diện theo ủy quyền ủy quyền lại. Việc ủy quyền sẽ được thực hiện dưới dạng Giấy ủy quyền, hoặc Hợp đồng ủy quyền (được quy định cụ thể trong BLDS).

b. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện

Bên được ủy quyền có các nghĩa vụ:

1. Thực hiện công việc theo ủy quyền và báo cho bên ủy quyền về việc thực hiện công việc đó;

2. Báo cho người thứ ba trong quan hệ thực hiện ủy quyền về thời hạn, phạm vi ủy quyền và việc sửa đổi, bổ sung phạm vi ủy quyền;

3. Bảo quản, giữ gìn tài liệu và phương tiện được giao để thực hiện việc ủy quyền;

4. Giữ bí mật thông tin mà mình biết được trong khi thực hiện việc

ủy quyền;

5. Giao lại cho bên ủy quyền tài sản đã nhận và những lợi ích thu được trong khi thực hiện việc ủy quyền theo thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật;

6. Bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ kể trên

Bên được ủy quyền có các quyền sau đây:

1. Yêu cầu bên ủy quyền cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện cần thiết để thực hiện công việc ủy quyền;

2. Hưởng thù lao, được thanh toán chi phí hợp lý mà mình đã bỏ ra để thực hiện công việc ủy quyền.

Trên cơ sở quy định trên của BLDS, Luật Thương mại cũng quy định rõ nghĩa vụ của bên đại diện trong trường hợp đại diện cho thương nhân như sau :

1. Thực hiện các hoạt động thương mại với danh nghĩa và vì lợi ích của bên giao đại diện;

2. Thông báo cho bên giao đại diện về cơ hội và kết quả thực hiện các hoạt động thương mại đã được ủy quyền;

3. Tuân thủ chỉ dẫn của bên giao đại diện nếu chỉ dẫn đó không vi phạm quy định của pháp luật;

4. Không được thực hiện các hoạt động thương mại với danh nghĩa của mình hoặc của người thứ ba trong phạm vi đại diện;

5. Không được tiết lộ hoặc cung cấp cho người khác các bí mật liên quan đến hoạt động thương mại của bên giao đại diện trong thời gian làm đại diện và trong thời hạn hai năm, kể từ khi chấm dứt hợp đồng đại diện;

6. Bảo quản tài sản, tài liệu được giao để thực hiện hoạt động đại diện.

2.2.2. Phạm vi đại diện trong quan hệ hợp đồng

2.2.2.1. Đại diện theo pháp luật

Thẩm quyền của người đại diện theo pháp luật là thẩm quyền rộng. Với đại diện cho pháp nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, thẩm quyền đại diện

bị giới hạn trong phạm vi hẹp hơn, phụ thuộc vào năng lực chủ thể của các tổ chức đó.

Còn đối với hoạt động đại diện cho thương nhân, có một số hạn chế nhất định trong thẩm quyền đại diện của người đại diện theo pháp luật của CTTNHH, CTCP.

2.2.2.2. Đại diện theo uỷ quyền

Phạm vi uỷ quyền có thể hiểu là tất cả những gì mà một người có thể hành động ở tư cách của một người khác trong sự cho phép của người đó.

Tùy thuộc vào hình thức uỷ quyền mà thẩm quyền đại diện theo uỷ quyền là khác nhau. Thẩm quyền đại diện, phạm vi đại diện cũng sẽ thay đổi tùy theo hành vi được uỷ quyền. Tuy nhiên, dù quan hệ đại diện được xác lập dưới bất kỳ hình thức nào, với phạm vi giới hạn ra sao thì thẩm quyền đại diện cũng phải được xác định trên cơ sở nguyên tắc công khai.

1- Đại diện được thông báo - công khai

Đây là trường hợp đại diện được thông báo tới bên giao kết hợp đồng hoặc việc đại diện không được thông báo nhưng bên kia biết hoặc buộc phải biết về điều đó thì hợp đồng sẽ ràng buộc người được đại diện với bên thứ ba.

2- Đại diện không được thông báo - không công khai

Đây là việc người đại diện khi giao kết hợp đồng không thông báo rõ là mình đang đại diện cho một người khác giao kết hợp đồng với phía bên kia. Trong trường hợp bên giao kết không biết hoặc không buộc phải biết về việc người đại diện giao kết hợp đồng cho mình hay cho một người khác thì về nguyên tắc, hợp đồng được giao kết bởi người đại diện và bên kia sẽ có giá trị ràng buộc trực tiếp người đại diện vào hợp đồng.

2.2.2.3. Xung đột lợi ích

Đây là trường hợp khi người đại diện tự trở thành một bên trong hợp đồng hoặc đại diện cho hai người giao kết hợp đồng với nhau.

Tinh thần pháp luật Việt Nam nói chung đều ghi nhận cấm đoán các hành vi đại diện xung đột lợi ích. Hệ quả pháp lý phát sinh đều dẫn đến hợp đồng đã ký kết sẽ bị vô hiệu.

Bộ nguyên tắc của Unidroit về Hợp đồng thương mại quốc tế cũng không thừa nhận các giao dịch đại diện có sự xung đột lợi ích. Tuy nhiên, trong Bộ nguyên tắc lại đưa ra một số quan điểm khá mới mẻ: Sự “xung đột lợi ích” có thể xuất hiện trong thoả thuận của các bên, hoặc người đại diện tự hành động mà người được đại diện biết, đáng lẽ phải biết hoặc người được đại diện biết nhưng không phản đối trong thời gian hợp lý.

2.2.2.4. Hậu quả của giao dịch dân sự do chủ thể không có thẩm quyền đại diện xác lập, thực hiện hoặc bên đại diện xác lập, thực hiện vượt quá thẩm quyền đại diện

Về mặt nguyên tắc, hậu quả pháp lý sẽ không phát sinh đối với bên được đại diện nếu hợp đồng đó là kết quả của hành vi đại diện không có thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền. Tuy nhiên, trong trường hợp sau đó hợp đồng được bên được đại diện chấp thuận với trường hợp giao kết hợp đồng không có thẩm quyền đại diện, hoặc được bên được đại diện đồng ý, bên được đại diện biết mà không phản đối với trường hợp giao kết hợp đồng vượt quá phạm vi đại diện thì hậu quả sẽ phát sinh đối với bên được đại diện.

Nếu việc xác lập hợp đồng do chủ thể đại diện không có thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền và không được bên được đại diện chấp thuận và bên đại diện không chứng minh được về thẩm quyền đại diện của mình, thì tùy theo sự lựa chọn của bên đối tác mà bên đại diện có thể trở thành một bên của quan hệ hợp đồng hoặc phải bồi thường thiệt hại cho bên đối tác mà bên đại diện đã cùng thiết lập quan hệ hợp đồng.

Tuy nhiên, bên được đại diện vẫn phải chịu trách nhiệm đối với những gì mà bên đại diện thực hiện vượt quá phạm vi đại diện nếu bên thứ ba không biết hoặc không buộc phải biết về việc đại diện vượt quá phạm vi

đại diện. Ngược lại, trường hợp có sự thông đồng giữa bên đại diện và bên thứ ba để xác lập giao dịch vượt quá thẩm quyền đại diện, gây thiệt hại cho bên được đại diện. Trong trường hợp đó bên đại diện và bên thứ ba phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bên được đại diện.

2.2.3. Thời điểm xác lập, chấm dứt đại diện trong quan hệ hợp đồng

2.2.3.1. Thời điểm xác lập đại diện trong quan hệ hợp đồng

Với hình thức đại diện theo pháp luật, quan hệ đại diện sẽ được xác lập thông qua một sự kiện pháp lý. Đó là việc một thương nhân, tổ chức được thành lập hợp pháp.

Còn đối với hình thức đại diện theo ủy quyền, thời điểm xác lập không còn phụ thuộc vào một sự kiện pháp lý nữa, mà nó được xác lập qua một hành vi pháp lý - hành vi lập hợp đồng ủy quyền.

Trong một số trường hợp nhất định, khi chủ thể thực hiện hành vi không có thẩm quyền đại diện hoặc vượt quá phạm vi đại diện trong quan hệ hợp đồng được đại diện, lúc này quan hệ đại diện hợp đồng sẽ chỉ được hình thành và phát sinh hiệu lực với các bên qua hành vi đồng ý “sau” của người được đại diện.

2.2.3.2. Thời điểm chấm dứt đại diện trong quan hệ hợp đồng

Trước tiên, với đại diện theo pháp luật trong quan hệ hợp đồng, đại diện sẽ chấm dứt khi pháp nhân chấm dứt hoạt động.

Với đại diện theo ủy quyền trong quan hệ hợp đồng, đại diện sẽ chấm dứt khi:

- Thời hạn ủy quyền đã hết hoặc công việc được ủy quyền (ở đây là hợp đồng được ủy quyền đại diện tham gia) đã hoàn thành;
- Bên ủy quyền huỷ bỏ, tuyên bố chấm dứt việc ủy quyền hoặc bên được ủy quyền từ chối việc ủy quyền, thông báo chấm dứt việc ủy quyền;
- Bên ủy quyền chấm dứt hoạt động (pháp nhân, tổ chức) hoặc bên được ủy quyền chết, bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, mất tích hoặc là đã chết.

Cần chú ý thêm, với đại diện cho thương nhân, khi một trong hai bên đơn phương chấm dứt quan hệ đại diện thì hệ quả pháp lý sẽ được giải quyết khác nhau tùy vào hình thức ủy quyền có thù lao hay ủy quyền không có thù lao.

Khi hợp đồng ủy quyền bị đơn phương chấm dứt thực hiện, bên ủy quyền phải thông báo bằng văn bản cho người thứ ba biết về việc bên ủy quyền chấm dứt thực hiện hợp đồng, nếu không thông báo thì hợp đồng với người thứ ba vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp người thứ ba biết hoặc phải biết việc hợp đồng ủy quyền đã bị chấm dứt.

2.3. NHỮNG TRANH CHẤP THỰC TẾ LIÊN QUAN ĐẾN ĐẠI DIỆN TRONG QUAN HỆ HỢP ĐỒNG

2.3.1. Tranh chấp về chủ thể trong đại diện trong quan hệ hợp đồng

TRANH CHẤP 1: Tranh chấp về hiệu lực của quan hệ đại diện khi bên giao đại diện không có khả năng giao đại diện và bên nhận đại diện không có khả năng thực hiện đại diện (thể hiện qua tranh chấp tại Quyết định Giám đốc thẩm số 21/2005/DS-GĐT ngày 23/6/2005 về vụ án “Đòi tài sản theo hợp đồng ủy quyền”).

HƯỚNG GIẢI QUYẾT: Theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành, chưa có quy định cụ thể về việc ai có quyền và ai không có quyền đại diện theo ủy quyền. Pháp luật trao quyền cho các chủ thể trong quan hệ đại diện tự quyết định. Thiết nghĩ, Pháp luật cần đặt ra giới hạn, chỉ rõ các chủ thể “như thế nào” mới có thể trở thành người đại diện theo ủy quyền.

TRANH CHẤP 2: Tranh chấp về chủ thể có thẩm quyền đại diện pháp nhân, tổ chức khác trong quan hệ hợp đồng với chủ thể khác (văn bản xác định thẩm quyền đại diện?)

HƯỚNG GIẢI QUYẾT: Xác định Văn bản phân công là một văn bản ủy quyền thường xuyên với điều kiện bản phân công trên được công bố công khai trên phương tiện mà các chủ thể khác có nghĩa vụ phải biết.

TRANH CHẤP 3: Về giao dịch đại diện ngầm định

HƯỚNG GIẢI QUYẾT: Cần xác định yếu tố chủ quan của người đại diện hợp pháp. Đó là việc người này có biết hoặc có buộc phải biết việc ký kết hợp đồng nói trên không? Nếu đại diện theo pháp luật của pháp nhân biết (thể hiện qua việc đóng dấu văn bản hoặc để mặc cho giao dịch diễn ra,...) hoặc buộc phải biết tức là đã có sự mặc nhiên thừa nhận của họ về việc ủy quyền thì đó là điều kiện làm cho hợp đồng có hiệu lực pháp lý.

TRANH CHẤP 4: Cơ chế doanh nghiệp chỉ có một người đại diện theo pháp luật bộc lộ nhiều hạn chế.

HƯỚNG GIẢI QUYẾT: Quyền hạn và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật nên chẳng được trao cho một ban giám đốc hoặc ban quản trị, trong đó từng giám đốc có quyền đại diện cho công ty (hai thành viên trở lên trong ban giám đốc) về những vấn đề trong phạm vi quyền hạn của họ. Với cơ cấu này, các giám đốc sẽ tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo luật và điều lệ công ty, trừ những quyết định phải có ý kiến tập thể của ban giám đốc hoặc ban quản trị.

TRANH CHẤP 5: Tranh chấp về quan hệ “ủy quyền lại”

HƯỚNG GIẢI QUYẾT: Sửa đổi quy định về điều kiện để hành vi ủy quyền lại có hiệu lực.

2.3.2. Tranh chấp về xác định thời hạn ủy quyền

TRANH CHẤP: Do các bên không xác định tư cách đại diện trước khi giao kết hợp đồng nên không thống nhất về thời hạn ủy quyền.

HƯỚNG GIẢI QUYẾT: Giả sử các bên không muốn quan hệ hợp đồng này được xác lập. Vậy có thể áp quy định, tuyên hợp đồng vô hiệu.

Nhưng nếu các bên thực sự muốn xác lập quan hệ hợp đồng này. Giải pháp khắc phục là người đại diện theo pháp luật (giám đốc) có thể phê chuẩn bằng một văn bản ủy quyền cho người đã ký kết hợp đồng (ví dụ phó giám đốc) - Ủy quyền sau. Tuy nhiên, việc ủy quyền sau này sẽ chỉ trở nên hợp pháp nếu được thực hiện trước khi phát sinh tranh chấp đối với hợp đồng.

2.3.3. Tranh chấp về phạm vi đại diện

TRANH CHẤP 1: Chủ thể đại diện ký kết, thực hiện hợp đồng không có thẩm quyền, vượt quá phạm vi ủy quyền.

HƯỚNG GIẢI QUYẾT: Theo quy định pháp luật Việt Nam, trong trường hợp kể trên nếu không được “sự chấp thuận sau” của bên được đại diện, bên thứ ba không biết, không thể biết thì hoặc là bên đại diện sẽ trở thành một bên trong quan hệ hợp đồng với bên thứ ba, hoặc là hợp đồng vô hiệu và bên đại diện phải bồi thường thiệt hại cho bên thứ ba.

Tuy nhiên, hành vi đại diện không thẩm quyền hoặc vượt quá phạm vi ủy quyền của bên đại diện đã gây ra những thiệt hại nhất định cho bên được đại diện. Cần bổ sung quy định pháp luật về trách nhiệm của bên đại diện đối với bên được đại diện về hành vi ký kết, thực hiện hợp đồng không có, vượt quá phạm vi đại diện.

TRANH CHẤP 2: Thông tin về doanh nghiệp còn hạn hẹp, ảnh hưởng đến việc đánh giá doanh nghiệp và xác định trách nhiệm khi có sự vi phạm.

HƯỚNG GIẢI QUYẾT: Để giải quyết vấn đề trên, công khai thông tin là vấn đề mấu chốt. Điều lệ công ty phải dễ dàng tiếp cận thì mới tạo nên sự công khai, minh bạch, quyền lợi của bên thứ ba được bảo vệ dễ dàng hơn.

TRANH CHẤP 3: Các chi nhánh thực hiện công việc kinh doanh chung, ký hợp đồng trong một số trường hợp không có ủy quyền của pháp nhân hoặc có ủy quyền nhưng người ủy quyền lại cho người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trực tiếp về những hậu quả xảy ra. Đây là một thực tế đi ngược lại với những mục tiêu mà pháp luật hướng tới.

HƯỚNG GIẢI QUYẾT: Nên chăng có những quy định bổ sung về thẩm quyền đại diện của chi nhánh trong giao kết hợp đồng hoặc cao hơn nữa là quy chế đại diện cho các đơn vị thành viên của pháp nhân (chi nhánh) để khắc phục những thực tế kể trên.

2.3.4. Tranh chấp về hình thức pháp lý của quan hệ đại diện

Việt Nam đã bắt đầu có sự thừa nhận rộng rãi hơn về hình thức hợp đồng điện tử. Tuy nhiên vẫn chưa có quy định và hướng dẫn cụ thể về vấn đề khi các bên giao kết hợp đồng điện tử thì các vấn đề có liên quan trong đó có vấn đề đại diện, giá trị pháp lý của chữ ký điện tử được giải quyết như thế nào. Yêu cầu đặt ra là cần phải hoàn thiện hơn khung pháp lý xoay quanh các nội dung về hình thức hợp đồng, hình thức thể hiện của quan hệ đại diện hợp đồng,...

CHƯƠNG III:

CƠ SỞ VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐẠI DIỆN TRONG QUAN HỆ HỢP ĐỒNG

3.1. Cơ sở hoàn thiện pháp luật về đại diện trong quan hệ hợp đồng

Thứ nhất, đảm bảo sự phát triển các yếu tố thị trường với việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong hoạt động kinh doanh, thương mại nói chung và trong hoạt động đại diện hợp đồng nói riêng.

Thứ hai, Sự cần thiết đổi mới, bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật điều chỉnh về đại diện trong quan hệ hợp đồng tránh sự chồng chéo, lặp lại, mâu thuẫn.

Thứ ba, xuất phát từ những tranh chấp thực tế xoay quanh quan hệ đại diện hợp đồng.

Thứ tư, xuất phát từ yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế

Với những yêu cầu, cơ sở hoàn thiện pháp luật về đại diện trong quan hệ hợp đồng kể trên, hệ thống pháp luật Việt Nam về đại diện hợp đồng cần được xây dựng và hoàn thiện theo hướng như sau:

1- *Xây dựng pháp luật về đại diện trong quan hệ hợp đồng thống nhất và đồng bộ: Luật chuyên ngành điều chỉnh chi tiết, phù hợp với luật*

chung; luật chung bao quát, làm cơ sở nền tảng cho các quy định pháp luật chuyên ngành;

2- Hoàn thiện các quy định còn nhiều vướng mắc bao gồm: Chủ thể quan hệ đại diện hợp đồng, phạm vi đại diện, hình thức đại diện, thời hạn đại diện.

3.2. Định hướng giải pháp hoàn thiện pháp luật về đại diện trong quan hệ hợp đồng

3.2.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về đại diện trong quan hệ hợp đồng

Phải hoàn thiện các quy định pháp luật về đại diện trong quan hệ hợp đồng, sao cho “Pháp luật về đại diện trong quan hệ hợp đồng phải thống nhất, đồng bộ với các quy định của đạo luật gốc - Bộ luật dân sự”.

Một số quy định pháp luật hiện hành về đại diện trong quan hệ hợp đồng chưa thực sự đảm bảo được sự tự do ý chí, thỏa thuận của các bên tham gia quan hệ, giao dịch. Thực trạng này cần phải được giải quyết bằng việc sửa đổi, hoàn thiện các quy định có liên quan, tạo không gian pháp lý tự do, bình đẳng cho các chủ thể.

Ngoài ra, cần sửa đổi quy định pháp luật Việt về đại diện trong quan hệ hợp đồng phù hợp với cách nhìn nhận của nhiều hệ thống luật lớn trên thế giới.

3.2.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về đại diện trong quan hệ hợp đồng

1. Các giải pháp theo hướng tăng cường hơn nữa sự tôn trọng quyền tự do của các chủ thể pháp luật trong các quy định pháp luật Việt Nam

- Các giới hạn sở hữu tối thiểu 10% vốn điều lệ với thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên là Tổng giám đốc (Giám đốc) và 5% số cổ phần phổ thông với cổ đông CTCP là Giám đốc (TGD) là những quy định không hợp lý và không cần thiết và cần được hủy bỏ.

- Hiệu lực của hợp đồng có đại diện được thiết lập có sự xung đột lợi ích phải do các bên trong quan hệ hợp đồng quyết định, thay vì tuyên vô hiệu như quy định hiện nay.

- Tùy từng trường hợp cụ thể, mặc dù người đại diện trong quan hệ hợp đồng không có năng lực chủ thể nhưng hợp đồng vẫn có hiệu lực.

2. *Quy định trách nhiệm của bên được ủy quyền và bên ủy quyền khi xác lập và thực hiện hợp đồng không trung thực*

3. *Quy định giới hạn về chủ thể có quyền đại diện theo ủy quyền*

4. *Quy định mở rộng về hình thức của văn bản ủy quyền*

5. *Quy định về nghĩa vụ công khai thông tin của doanh nghiệp*

6. *Quy định bổ sung về thẩm quyền đại diện của chi nhánh trong giao kết hợp đồng*

7. *Quy định đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo hướng là một Ban giám đốc thay vì một giám đốc như quy định hiện hành*

8. *Quy định trách nhiệm của bên đại diện khi đại diện ký kết, thực hiện hợp đồng không có thẩm quyền, vượt quá phạm vi ủy quyền*

9. *Sửa đổi quy định về ủy quyền lại*

10. *Bổ sung thêm quy định về các trường hợp mà người ủy quyền phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người thứ ba khi người ủy quyền có lỗi, mặc dù người thực hiện hành vi gây thiệt hại là người đại diện.*

11. *Bổ sung quy định về hạn chế số người được đại diện mà người đại diện được nhận đại diện*

12. *Cần sửa đổi quy định tại Khoản 2 Điều 139 BLDS “Cá nhân không được để người khác đại diện cho mình nếu pháp luật quy định họ phải tự mình xác lập, thực hiện giao dịch đó”*

13. *Bổ sung quy định thừa nhận “đại diện ngầm định”, “đại diện hiển nhiên”*

KẾT LUẬN

Xã hội càng phát triển thì các quan hệ kinh tế xã hội càng phong phú đa dạng. Theo đó, “đại diện trong quan hệ hợp đồng” càng trở thành một

công cụ đắc lực, hữu ích hơn bao giờ hết. Vì vậy cần sự điều tiết cẩn trọng của pháp luật. Tuy nhiên, thực trạng pháp luật Việt Nam điều chỉnh về quan hệ đại diện hợp đồng trong kinh doanh, thương mại vẫn còn bộc lộ nhiều bất cập - sự thiếu đồng bộ, quy định bỏ sót và đôi khi còn quá cứng nhắc. Qua nghiên cứu lĩnh vực này, tác giả đã hệ thống lại tất cả các nội dung, các quy định pháp luật xoay quanh quan hệ đại diện hợp đồng, từ đó đưa ra một định hướng giải pháp hoàn thiện. Những giải pháp này xuất phát từ thực trạng xác lập, thực hiện cũng như chấm dứt các quan hệ đại diện hợp đồng thực tế. Hy vọng các kiến nghị đưa ra sẽ là một kênh tham khảo hữu ích khi các nhà làm luật định hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật về vấn đề này. Và với một mong muốn trên hết là sẽ góp một phần công sức, trí tuệ cho sự phát triển bình ổn của nền kinh tế, cho sự phát triển vững bền và vượt bậc của đất nước.